DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2022

1. Chương trình Đại hội.
2. Quy chế tổ chức Đại hội.
3. Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
4. Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty kiểm toán độc lập.
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021, phương hướng hoạt động 2022.
6. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2021, nhiệm vụ chương trình công tác năm 2022.
7. Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
8. Tờ trình của Hội đồng quản trị Công ty về Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.
9. Tờ trình của Hội đồng quản trị về quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021; KH lương thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022.
10. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Tổ chức ngày 26/04/2022, tại Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
I	**Thủ tục, nghi thức tiến hành đại hội**		
	8h đến 8h20	Đón tiếp cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu	Ban tổ chức
II	**Nội dung chính của Đại hội**		
1	8h20 đến 8h30	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu, Khai mạc và giới thiệu đại biểu - Mời Ban chủ tọa đại hội lên làm việc	Ban tổ chức
2	8h30 đến 8h40	- Ban Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội và đề cử Ban Kiểm phiếu	Ban chủ tọa
3	8h40 đến 8h50	Thông qua chương trình của Đại hội; Thông qua quy chế đại hội	Ban chủ tọa
4	8h50 đến 9h30	**Nội dung 1**: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.	BCT - TGĐ
		Nội dung 2 Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022.	HĐQT
		Nội dung 3: Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2021, chương trình hoạt động năm 2022. **Nội dung 4:** Tờ trình của Ban kiểm soát về phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.	BKS
5	9h30 đến 10h00	**Nội dung 5:** Tờ trình của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2021	BCT
		Nội dung 6: Tờ trình của HĐQT thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021; phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022.	BCT
	10h00 đến 10h30	Đại hội Thảo luận Phát biểu của lãnh đạo Tổng công ty Sông Đà	
6	10h30 đến 10h45	Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội	Ban Chủ tọa
		Nghỉ giải lao	
7	10h45 đến 11h00	Thông qua Biên bản kiểm phiếu các nội dung Đại hội	Ban kiểm phiếu
III	**Tổng kết đại hội**		
1	11h đến 11h30	Trình bày biên bản, nghị quyết đại hội, biểu quyết thông qua biên bản, nghị quyết đại hội	Ban thư ký
2		Tuyên bố bế mạc đại hội	BCT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2022 được thực hiện theo quy chế sau đây:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là Đại hội).

2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 28/03/2022 hoặc những người được ủy quyền tham gia hợp lệ .

2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản.

b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật

khác có liên quan;

c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

e. Cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.

c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.

g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tọa có thể chỉ định một số người là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc lên bàn Chủ tọa để phối hợp điều khiển cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác *(phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty)* và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Điều 5 Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội .

1. Ban tổ chức Đại hội gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;

d. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Ban tổ chức Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết**, **Phiếu bầu** thể thức biểu quyết, thể thức bầu và tiến hành kiểm phiếu.

3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;

4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Chương III
THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 28/03/2022.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ Biểu quyết, Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để **tán thành**, **không tán thành** hoặc **không có ý kiến** đối với những vấn đề thông qua trong Đại hội.

Điều 10. **Phiếu biểu quyết**

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.

2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong Phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.

2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.

3. Tính hợp lệ của **Phiếu biểu quyết:**

a. **Phiếu biểu quyết** hợp lệ:

- Là **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty;

- **Phiếu biểu quyết** không bị rách, tẩy xoá, cạo sửa.

b. **Phiếu biểu quyết** không hợp lệ:

- **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;
- **Phiếu biểu quyết** bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;
- **Phiếu biểu quyết** đánh dấu từ 2 phương án trở lên;

4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội *(chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần)*

Điều 12. Quy định về kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu:

1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

a. Ban kiểm phiếu làm việc trong 1 phòng hoặc khu vực riêng dưới sự giám sát của HĐQT công ty.

b. Ban kiêm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc khi cần thiết.

c. Kiểm tra lần lược từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.

d. Niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho HĐQT.

2. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểu phiếu phải lập Biên bản kiểu phiếu.

b. Nội dung biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ công ty.

c. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng ban Kiểm phiếu, Người đại diện theo pháp luật , Chủ tọa Đại hội và đại diện cổ đông.

Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời

bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 14. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 15. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 16 điều, được đọc công khai tại đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng giá trị SXKD đạt 499 tỷ/780 tỷ đạt 64% KH năm, tăng 19% so với cùng kỳ 2020 (419 tỷ đồng).
- Doanh thu đạt 459 tỷ/900 tỷ đạt 51% KH năm, tăng 29% so với cùng kỳ 2021 (357 tỷ).
- Lợi nhuận trước thuế đạt 9,14 tỷ/10 tỷ đạt 91% KH năm, tăng 190% so với cùng kỳ 2021 (3,15 tỷ).
- Nộp Ngân sách đạt 47 tỷ/44 tỷ đạt 107% KH năm, tăng 81% so với cùng kỳ 2020 (26 tỷ đồng).
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 1,5%.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Tổng giá trị SXKD	10^9đ	780	499	64
2	Doanh thu	"	900	459	51
3	Tiền về tài khoản	"	596	448	75
4	Nộp Ngân sách	"	45	47	105
5	Lợi nhuận trước thuế	"	10	9,14	91
6	Lợi nhuận sau thuế	"	9	5,53	61
7	Vốn chủ sở hữu	"	594	591	99
8	Vốn điều lệ	"	342	342	100
9	Tổng tài sản	"	2.239	2.065	92

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
10	Tỷ lệ cổ tức	%	2	1,5	75
11	**Lao động tiền lương**				
-	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	500	346	69
-	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10^3đ	11.250	10.601	94
12	**Kế hoạch đầu tư**	**10^6đ**			
-	Đầu tư mở rộng SXKD	"	92	54	58
-	ĐT nâng cao năng lực thi công	"			

III. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2021:

1. Thực hiện mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình:

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2021:

TT	Công trình	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%TH
1	Nhiệt điện Long Phú	10^9đ	28		
2	Gói thầu F2	"	212	76	36
3	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	"	3	11	367
4	Hồ chứa nước Cánh Tạng	"	56	30	54
5	Gói 3+4 Yên Xá	"	76	18	24
6	Công trình Hòa Liên	"	140	87	62
7	Công trình Tân Lộc	"	3	5	189
8	Thủy điện Pake	"	32	16	50
9	SX điện Nậm Khánh	"	45	52	116
10	SX điện Pake	"	110	137	125
11	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	"	28	42	150
12	Công trình quyết toán, công trình dự kiến khác	"	47	24	51
	Tổng cộng	"	**780**	**499**	**64**

1.2 Tình hình thực hiện tiến độ khối lượng năm 2021.

TT	Thành phần công việc	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Bê tông CVC	m^3	86.666	64.834	75
2	Đào đất, đá	m^3	800.867	650.856	81
3	Đắp đất, đá	m^3	404.893	309.251	76
4	Gia cố bằng cọc BTCT	md	64.929	31.610	49
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	3.293	1.003	30
6	Khoan phun, khoan thoát nước	md	7.119	2.759	39

2. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2021:

1.1 Thực hiện đầu tư thủy điện Pake:

Thủ tục pháp lý, bồi thường GPMB:

- Hoàn thành công tác chi trả tiền bồi thường GPMB.
- Hoàn thành thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công tác thi công:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 16,6 tỷ/32 tỷ đạt 51% KH năm.

- Hoàn thành đổ bê tông lề đường lên trạm OPY, đổ bê tông mái kênh xả từ 237 tới đường VH1, thi công bê tông gia cố mặt đường VH2 (trừ phạm vi sạt), thi công bê tông đường VH1.
- Thi công bê tông gia cố vai phải hố xói cao độ 232.
- Xử lý bồi lắng hạ lưu hố xói và thanh thải kênh xả.
- Đang triển khai xây dựng khu cảnh quan, khu QLVH nhà máy.

Công tác nghiệm thu thanh, quyết toán:

- Đã kết thúc giai đoạn 1 công tác kiểm toán dự án.
- Đang triển khai quyết toán công trình.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thiếu hụt nhân lực thi công do ảnh hưởng của dịch Covid.
- Công tác quyết toán chậm do thiếu nhân lực kỹ thuật.

1.2 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 76tỷ/212 tỷ đạt 36% KH năm.

- Hoàn thành 31.610md/64.929md cọc BTCT gia cố bờ kênh, đạt 49% KH năm.
- Hoàn thành 4.856m3/9.235m3 bê tông CVC các loại, đạt 53%KH năm.
- Đào đắp đất, đắp cát hoàn trả đạt 22.175m3/82.786m3, đạt 27% KH quý.
- Thi công cừ Larsen đạt 26.398md/61.481md, đạt 43% KH quý.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Do Chủ đầu tư chậm thanh toán dẫn tới Sông Đà 9 và nhà thầu phụ thi công cầm chừng.

- Do dịch Covid 19, công trường dừng thi công từ ngày 24/07 đến hết tháng 09/2021 và ảnh hưởng của dịch covid.

1.3 Hồ chứa nước Cánh Tạng:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 30,3 tỷ/56 tỷ đạt 54% KH năm.

- Hoàn thành tràn tự do vai phải, vai trái đạt cao độ thiết kế 88,75. Thi công bê tông tường, bê tông lõi đập tràn cửa van đạt cao độ 77,50.
- Thi công xong toàn bộ bê tông dốc nước; Hoàn thành toàn bộ gia cố bê tông hạ lưu dốc nước (trừ phần đường tiếp cận vai phải tràn), khối lượng 1.794m3.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Công tác phối hợp giữa các thành viên liên danh trong bàn giao mặt bằng thi công kém hiệu quả.
- Chưa chủ động được nguồn cung vật tư dẫn đến triển khai gặp khó khăn.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.
- Công trường xuất hiện mưa sớm so với cùng kỳ, gặp khó khăn triển khai thi công.

1.4 Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3+4):

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 18 tỷ/76 tỷ đạt 24% KH năm.

- Thi công tuyến cống các loại, khối lượng 34md.
- Hoàn thành lắp đặt cống HDPE D400 từ hố 26.0/0 đến hố 26.0/2, khối lượng 108md.
- Thi công lắp đặt cống bê tông D1200 từ giếng tách 21.0 đến hố ga 21.5, khối lượng 258md.
- Thi công 6 hố ga và 10 giếng tách.
- Thi công tuyến cống Hữu Hòa từ cọc 46.0/2/0/11 đến 46.0/2/0/18 và từ cọc 46.0/2/0/5 đến 46.0/2/0/6; Thi công tuyến cống Thanh Bình B từ cọc 43.0/2 đến 43.0/4 và tuyến Thanh Bình từ cọc 41.3 đến 41.4, khối lượng 369md.
- Lắp hố ga tuyến Hữu Hòa gồm các vị trí 46.0/2/0/12; 46.0/2/0/13; 46.0/2/0/14; 46.0/2/0/15; 46.0/2/0/16; 46.0/2/0/17; 46.0/2/0/18; 43.0/1; tuyến Thanh Bình B gồm các vị trí 43.0/3; tuyến Thanh Bình gồm các vị trí 41.3; 41.4, khối lượng 12 cái.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Gói thầu số 3:

  + Công tác triển khai thi công chậm so với kế hoạch, dừng thi công do mùa mưa.

  + Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.
- Gói thầu số 4:

  + Tuyến Đại Thanh thi công gặp nhiều công trình hiện trạng ngầm phát sinh hoặc sai khác so với báo cáo khảo sát được duyệt gây rất nhiều khó khăn trong công tác thi công; BQL KĐT Đại Thanh cho phép mở phân đoạn mới sau khi Nhà thầu hoàn thiện công tác thảm nhựa đường phân đoạn từ 46.0/1/0 đến 46.0/1/6.

  + Tuyến cầu Hữu Hòa phân đoạn từ 46.0/2/0/6 đến 46.0/2/0/18 chỉ được phép thi công từng 15m một theo phương pháp cuốn chiếu theo yêu cầu của Sở Giao thông.

  + Tiến độ phê duyệt thiết kế tuyến cống Thanh Bình B từ 43.0/0 đến 43.0 chậm.

  + Ảnh hưởng dịch covid, dẫn đến công trường triển khai thi công gặp nhiều khó khăn.

1.5 Công trình Tân Lộc:

- Sản lượng thực hiện đạt 5,4 tỷ/2,8 tỷ đạt 189% KH năm.
- Hoàn thành thi công, bàn giao công trình.

1.6 Công trình Hòa Liên:

✓ Sản lượng thực hiện đạt 87 tỷ/140 tỷ đạt 62% KH năm.

- Hoàn thành toàn bộ công tác đào hố móng đập dâng, khắc phục sau bão.
- Hoàn thành đào mở rộng hạ lưu.
- Hoàn thành thi công bê tông cụm công trình đập dâng.
- Hoàn thành công tác xây lát đá gia cố hạ lưu.
- Hoàn thành toàn bộ công tác khoan phụt chống thấm, gia cố.
- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt cơ khí khoang 1-:-8.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thiếu vật tư, vật liệu, nhân lực do chưa chủ động tài chính trong sản xuất.
- Do ảnh hưởng covid, công trường dừng thi công từ ngày 16/08 đến hết ngày 25/08, sau thời điểm 25/8 triển khai chậm do thực hiện 3 tại chỗ.
- Do ảnh hưởng của bão số 5, 6 công trường dừng thi công khắc phục sau bão từ ngày 11/09 đến 15/10.

1.7 Sân golf Phúc Tiến

✓ Sản lượng thực hiện đạt 28 tỷ.

- Hoàn thành công tác đào hồ, hố móng hồ đập, hố móng tràn giếng và cống thông hồ.
- Hoàn thành thi công san lấp, đắp đất dự án.
- Hoàn thành lót trải vải địa lòng hồ, khối lượng 25.981m2/25.981m2
- Hoàn thành lót trải màng HDPE, khối lượng 37.756m2/37.756m2
- Thi công bê tông các loại đạt 1.437m3/1.459m3 đạt 98% KH quý.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thời tiết xuất hiện mưa sớm so với cùng kỳ, mưa nhiều, dẫn tới ảnh hưởng tới công tác thi công lòng hồ, trải vải địa, HDPE và đắp đất.
- Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, thiết kế chậm và thay đổi thiết kế nhiều lần, bổ sung hạng mục Nhà bơm nước.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.

IV. Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.

- Công tác sản xuất công nghiệp: Đảm bảo an toàn quy trình vận hành các nhà máy thủy điện trong mùa dịch; các tổ máy hoạt động ổn định, liên tục, tận dụng tối đa nguồn nước, đảm bảo đẩy mạnh sản lượng đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Công tác nhân lực, đào tạo, tuyển dụng:
  + Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 901 và Chi nhánh Sông Đà 908; sáp nhập Ban TCHC và Ban TCKT của CN901 thành Ban Tổng hợp; Phê duyệt mô hình tổ chức sản xuất và định biên nhân sự tại Chi nhánh Sông Đà 901 sau sáp nhập.

+ Cân đối nguồn nhân lực giữa các công trường, giữa công ty và các công trường trong giai đoạn phòng, chống dịch covid-19 vừa đảm bảo sức khỏe của người lao động vừa đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
+ Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, không ngừng bổ sung nguồn nhân lực mới có chất lượng cao, đồng thời duy trì, tổ chức đào tại đối với nguồn nhân lực sẵn có. Trong năm 2021 đã thực hiện tuyển dụng 51 người; 259 lượt người ký qua HĐ nhân công, cử 112 lượt người tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; thực hiện thủ tục bổ nhiệm cho 21 lượt cán bộ.
+ Tổ chức đào tạo nhân lực tại chỗ đối với cán bộ kỹ thuật, công nhân hiện trường nâng cao năng lực thi công.

- Tài chính và nguồn vốn:
  + Cập nhật chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với doanh nghiệp để kịp thời điều chỉnh hồ sơ phù hợp.
  + Cân đối, thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đa dạng nguồn vốn và chi phí lãi vay thấp. Làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại các khoản vay do ảnh hưởng của dịch covid - 19.
  + Lập đề án tái cấu trúc tài chính dài hạn và đang trình TCT Sông Đà.
  + Đẩy mạnh thu hồi công nợ, lập kế hoạch thu vốn cụ thể đối với từng công trình; phân công chi tiết tổ thu vốn, bám sát mục tiêu thu vốn tại Đồng Nai 5, Nậm Chiến, Hủa Na. Nậm Thuen, Dakmi 2.
  + Thực hiện xây dựng kế hoạch thanh toán, tiền về đồng thời với kế hoạch xây lắp hàng tháng, quý; duyệt lương hàng tháng theo quy định; đảm bảo kế hoạch huy động nhân lực làm việc tại các công trình theo yêu cầu mục tiêu đã đề ra
  + Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án, công trình để đảm bảo hiệu quả kinh tế,
  + Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ về chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.
  + Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn bộ phận kế toán tại các công trình, dự án trong công ty tập hợp và hạch toán chi phí đảm bảo việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và phù hợp với từng công trình, dự án.
- Công tác quản lý dự án và đấu thầu:
  + Về dự án Pa Ke: Đảm bảo an toàn trong công tác vận hành nhà máy thủy điện; Đã xây dựng mục tiêu, kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể để quyết toán dự án thủy điện Pa Ke.
  + Xây dựng chương trình thực hiện kế hoạch tham gia đấu thầu các gói thầu phát hành hồ sơ qua mạng đấu thầu quốc gia.
  + Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, kết quả trúng thầu gói thầu dự án sân golf Phúc Tiến với giá trị 30 tỷ đồng.
- Công tác kinh tế - pháp chế:
  + Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện.

+ Kiểm soát công tác ký kết các hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành.
+ Quyết toán xong các công trình như: Lai Châu, Huội Quảng, Nậm Chiến, Sơn La; các công trình còn vướng mắc chưa quyết toán xong bao gồm: Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Theun1, Nhà Quốc hội; các công trình khác nguyên nhân do vướng mắc từ phía CĐT chưa thống nhất được biện pháp, khối lượng và TDT; một phần do CĐT thiếu vốn nên quyết toán chậm.
+ Xây dựng giá thành các công trình, thực hiện quản lý các đơn vị nhận khoán công trình.
+ Rà soát các quy chế quản lý của Công ty để sửa đổi bổ sung phù hợp với thực trạng SXKD của đơn vị. Xây dựng và điều chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; giảm đầu mối trung gian, tăng cường khoán quản.
+ Hoàn thành quy định chế độ, trách nhiệm kiểm soát khối lượng, doanh thu, tiền về theo nguyên tắc chủ công trình, giám đốc dự án; kiểm tra thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

- Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:
  + Quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt là công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trình, dự án;
  + Kiểm soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, thu vốn các công trình.
  + Chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác nghiệm thu, quyết toán công trình Xekaman1, Đồng Nai 5, Đắc My 2…
  + Công tác kiểm soát mục tiêu, tiến độ các công trường chưa thực sự đồng bộ, việc xây dựng kế hoạch chưa đánh giá hết rủi ro tại các dự án dẫn tới các mục tiêu tiến độ trên một số công trường không hoàn thành theo kế hoạch đề ra như Pake, F2, Long Phú, gói thầu số 3,4 Yên Xá….
  + Duy trì công tác an toàn vệ sinh môi trường tại các Dự án, giảm thiểu tối đa việc mất an toàn trong thi công.
- Công tác quản lý vật tư, thiết bị:
  + Đối với xe máy thiết bị cho thuê: Tuân thủ đúng quy trình quản lý thiết bị cho thuê; xây dựng dự toán sửa chữa XMTB dự kiến cho thuê.
  + Lập phương án tổ chức sửa chữa tập trung XMTB và thu hút thợ bậc cao của Công ty.
  + Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị trong toàn Công ty. Lập kế hoạch và đã đưa XMTB vào củng cố sửa chữa phục vụ thi công công trình sân Golf Phúc Tiến, công trình Hòa Liên, và công trình Tân Lộc.
  + Thực hiện giám sát, hướng dẫn trong việc quản lý nhiên liệu, vận hành thiết bị.
  + Chủ động rà soát trình cấp có thẩm quyền thanh lý máy móc thiết bị đã hết khấu hao, không còn nhu cầu sử sụng nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I. Kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Công trình	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2022
1	Tổng giá trị SXKD	10^9đ	634
2	Doanh thu	"	579
3	Tiền về tài khoản	"	555
4	Nộp Ngân sách	"	41,6
5	Lợi nhuận trước thuế	"	10
6	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10^3đ	11.669
7	Đầu tư mở rộng SXKD	10^6đ	15
8	Cổ tức	%	2,5

2. Kế hoạch sản lượng các công trình năm 2022

TT	Công trình	ĐVT	Kế hoạch
1	Nhiệt điện Long Phú	Tỷ đồng	50
2	Gói thầu F2	Tỷ đồng	170
3	Hồ chứa nước Cánh Tạng	Tỷ đồng	18
4	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá	Tỷ đồng	70
5	Nhà máy nước Hòa Liên	Tỷ đồng	14
6	Thanh thải thủy điện Sơn La	Tỷ đồng	10
7	Sản xuất điện Nậm Khánh	Tỷ đồng	50
8	Sản xuất điện Pake	Tỷ đồng	120
9	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	Tỷ đồng	31
10	Công trình dự kiến	Tỷ đồng	99
	Tổng cộng	**Tỷ đồng**	**634**

3. *Mục tiêu, tiến độ, khối lượng năm 2022*

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng
1	Bê tông CVC	m^3	24.880
2	Đào đất đá	m^3	1.753.858
3	Đắp đất đá	m^3	473.116
4	Gia cố bằng cọc BTCT	m	33.954
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	2.509
6	Hố ga	hố	60
7	Giếng tách	cái	51

3.1 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

✓ Kế hoạch sản lượng: 170 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành 100% công tác thi công đóng cọc BTCT toàn bộ công trình.
- Hoàn thành thi công bê tông các loại phạm vi 2 bờ Kênh Tàu Hũ, Kênh Ngang 3.
- Hoàn thành nạo vét kênh, đắp cát, dăm lọc, trải vải địa kỹ thuật và cải tạo cảnh quan công trình.
- Hoàn thành công tác thi công, bàn giao công trình trước 30/6/2022.

3.2 Công trình Long Phú:

✓ Kế hoạch sản lượng: 50 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành 100% công tác đắp cát xử lý nền đập và trải vải địa kỹ thuật trước 31/12/2022.

3.3 Hồ chứa Cánh Tạng:

✓ Kế hoạch sản lượng: 18tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành công tác bê tông gia cố mái thượng lưu, hạ lưu đập chính và bê tông đỉnh đập.
- Thi công xong hạng mục đầu tràn.
- Hoàn thành thi công công trình trước 30/6/2022.

3.4 Công trình Yên Xá (gói 3):

✓ Kế hoạch sản lượng: 35 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành thi công lắp đặt cống HDPE, uPVC, lắp dựng hố ga và thi công giếng tách tuyến đào mở sông Sét, tuyến cống chính đào mở sông Lừ trước 17/5/2022.

3.5 Công trình Yên Xá (gói 4):

✓ Kế hoạch sản lượng: 35 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành thi công lắp tuyến cống các loại 1.149m, lắp dựng 40 hố ga và thi công 13 giếng tách 25/8/22.

3.6 Công trình Hòa Liên

✓ Kế hoạch sản lượng: 14 tỷ. Trong đó:

- Thi công bê tông 1.661m3.

- Dỡ đê quây 9.134m3.
- Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công 111 tấn
- Hoàn thành công tác gia công, lắp đặt, ban giao đưa vào vận hành.

3.7 Thanh thải thủy điện Sơn La

✓ Kế hoạch sản lượng: 10,13 tỷ. Trong đó:

- Thi công đào phá đá 17.377m3.
- Xúc vận chuyển đất đá: 165.281m3

3.8 Sản xuất công nghiệp

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 170 tỷ đồng (Nậm Khánh 50 tỷ, Pake 120 tỷ).
- Giá trị sản lượng điện: 134 triệu kw (Nậm Khánh 40,37 triệu kw; Pake 93,87 triệu kw).

3.9 Cho thuê văn phòng và cho thuê XMTB 10 tỷ, hoạt động tài chính 21,4 tỷ.

3.10 Công trình dự kiến khác: 99 tỷ

II. Các giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành kế hoạch năm 2022:

- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022 cũng như các năm tiếp theo. Xây dựng kế hoạch SXKD tháng, quý trên cơ sở mục tiêu tiến độ được phê duyệt; giải pháp thực tiễn để thực hiện.
- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp giai đoạn 2022-2026, bao gồm:
  + Tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh.
  + Tái cấu trúc tổ chức, nhân lực.
  + Tái cấu trúc tài chính.
- Xây dựng mô hình tổ chức của Công ty phù hợp, sát thực với ngành nghề kinh doanh, định hướng phát triển ngắn hạn và dài hạn. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn trách nhiệm của từng cá nhân vào doanh thu, lợi nhuận của đơn vị.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đào tạo, phổ biến văn hóa doanh nghiệp tới từng bộ phận: Lãnh đạo cấp cao, quản lý cấp trung, nhân viên và các nhà thầu phụ.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ, giảm công nợ cá nhân, công nợ khó đòi đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của Công ty.
- Thực hiện kế hoạch tài chính, tín dụng sát thực tế nhằm đảm bảo vốn cho sản xuất liên tục, kịp thời.
- Xây dựng chương trình, lộ trình để thoái các khoản đầu tư về tài chính. Có một kế hoạch tài chính ngắn hạn, rõ ràng.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tài chính; cơ cấu lại các khoản vay và tăng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng đối với từng công trình.
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí cho từng công trình; quản lý theo giá thành các công trình đã được phê duyệt, đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận đã tính toán.

- Phân tích kết quả hoạt động SXKD hàng tháng theo từng công trình, xác định các tồn tại, yếu kém, bất cập để có hướng khắc phục nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong.
- Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ công tác hợp đồng từ khâu đàm phán đến khi kết thúc. Ngừa các rủi ro, đưa ra những cảnh báo, phương án giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng một cách kịp thời.
- Xây dựng quan hệ thầu phụ/nhà cung cấp chiến lược nhằm hỗ trợ, cộng hưởng cùng phát triển. Tập trung xây dựng kế hoạch mua hàng hóa một cách chi tiết, chính xác dựa trên kế hoạch khởi tạo, kế hoạch thi công cho từng dự án/hạng mục để quá trình mua hàng được dễ dàng, không để tình trạng bị động. Tiếp tục mở rộng danh sách nhà cung ứng, nâng cao hơn nữa việc mua bán tận gốc tận nơi sản xuất hàng hóa nhằm góp phần giảm thiểu chi phí đầu vào *(đặc biệt là các vật tư, thiết bị nhập khẩu).*
- Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng XMTB. Rà soát thật cụ thể tình hình sản xuất tại các công trường từ XMTB, vật tư, con người để điều động tăng cường bổ sung cho các nơi còn thiếu, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị
- Xây dựng phương án khoán trong công tác đấu thầu, tăng tính chủ động trong công việc và công tác tìm kiếm, phát triển thị trường.
- Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài, các dự án điện gió, điện mặt trời do các Tập đoàn lớn đầu tư khu vực miền trung và Tây nguyên;
- Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài (ODA) như WB, ADB, JK...
- Tiếp tục tìm kiếm việc làm từ các công trình thủy điện vừa và nhỏ trong và ngoài nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 0100845515-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Hải Sơn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2021; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2021			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	
I	**Tổng giá trị SXKD**	**10^6đ**	**780.200**	**499.211**	**64**	**634.000**
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^6đ	597.200	267.628	45	433.000
2	Giá trị sản xuất điện	10^6đ	155.000	189.212	122	170.000
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10^6đ	28.000	42.371	151	31.000
II	**Kế hoạch tài chính**					
II	**Doanh số**	**10^6đ**	**972.360**	**502.060**	**52**	**631.300**
1	Tổng doanh thu	10^6đ	900.000	458.775	51	579.164
2	Tiền về tài khoản	10^6đ	596.217	447.663	75	555.293
3	Nộp Ngân sách	10^6đ	45.000	47.460	105	41.600
4	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10^6đ	10.000	9.138	91	10.000
	- Lợi nhuận sau thuế	10^6đ	9.000	5.531	61	9.600
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	1,1	2,0	179	1,7
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	1,5	0,9	62	1,6
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	0,4	0,3	67	0,5
6	Vốn chủ sở hữu	10^6đ	594.268	590.799	99	594.541
7	Vốn điều lệ	10^6đ	342.340	342.340	100	342.340
8	Tổng tài sản	10^6đ	2.239.052	2.065.467	92	1.892.970
9	Nợ phải trả	10^6đ	1.644.784	1.474.668	90	1.298.429
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	2,8	2,5	90	2,2
11	Hệ số nợ phải trả/(VĐL)	lần	4,8	4,3	90	3,8
12	Tỷ lệ cổ tức	%	2,0	1,5	75	2,5
III	**Lao động và tiền lương**					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	500	346	69	550
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10^3đ	11.301	10.601	94	11.669
B	**Kế hoạch đầu tư**	**10^6đ**	**92.329**	**53.765**	**58**	**15.000**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHÒNG KINH TẾ - PHÁP CHẾ	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Gia Hản	*Trần Thế Anh*	*Nguyễn Hải Sơn*

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO

GIÁ TRỊ THỰC HIỆN THU VỐN NĂM 2021; KẾ HOẠCH THU VỐN NĂM 2022

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2020	SLTH 2021	Thu vốn 2021			Dở dang đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn
	Giá trị SXKD	**10^3đ**	**396.770.053**	**499.210.786**	**972.326.903**	**502.060.381**	**52**	**393.920.459**	**634.000.000**	**631.300.000**
1	Thuỷ điện Xekaman3	10^3đ	5.306.440	-	5.306.440	-		5.306.440		5.306.440
2	Thuỷ điện Huội Quảng	10^3đ	-	3.460.164		3.460.164		-		
3	Thủy điện XêKaMan1	10^3đ	100.001.391	-	100.001.391	-		100.001.391		
4	Thủy điện Nậm Thuen 1	10^3đ	62.829.702	-	50.000.000	-		62.829.702		30.000.000
5	Thủy điện Đồng Nai 5	10^3đ	4.902.830	- 10.585.282	4.902.830	- 10.585.282		4.902.830		4.902.830
6	Thủy điện Đắk Mi II	10^3đ	3.492.095	-	3.492.095	-		3.492.095		
7	Nhà Quốc Hội	10^3đ	1.465.745	-	1.465.745	-		1.465.745		
8	Thủy điện Tân Thượng	10^3đ	60.711.980	-	50.000.000	-		60.711.980		
9	Công trình thủy điện Pake	10^3đ	66.955.612	16.321.058	80.764.833	29.606.680		53.669.990	-	10.000.000
10	Thủy điện Sơn Giang	10^3đ	6.022.564	-	6.022.564	-		6.022.564		6.022.564
11	Nhiệt điện Long Phú	10^3đ	7.974.136	-	30.806.121	-		7.974.136	50.428.262	58.402.398
12	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	10^3đ	16.909.955	76.241.378	205.861.442	78.914.207		14.237.126	170.343.993	153.590.814
13	Hồ chứa nước Bản Lải	10^3đ	5.173.631	- 1.581.199	5.173.631	1.686.530		1.905.902		
14	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	10^3đ	45.211.698	10.874.945	14.339.995	12.039.683		44.046.960	-	1.500.000
15	Công trình Cánh Tạng	10^3đ	2.128.243	30.314.217	44.700.736	29.877.051		2.565.409	17.847.082	20.412.490
16	Công trình Yên Xá	10^3đ	204.899	18.059.417	56.915.319	18.059.417		204.899	70.395.060	51.326.962
17	Công trình Tân Lộc	10^3đ	2.375.329	5.404.149	4.253.726	6.008.831		1.770.646	-	1.770.646
18	Công trình Hòa Liên	10^3đ	4.772.464	86.910.549	105.320.036	78.816.185		12.866.828	14.192.630	27.059.458
19	Thanh thải Sơn La	10^3đ		4.432.390		3.531.659		900.731	10.133.552	11.034.283

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2020	SLTH 2021	Thu vốn 2021			Dở dang đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn
20	Sân golf Phúc Tiến	10^3đ		27.776.090		18.731.002		9.045.089		9.045.089
20	Công trình dự kiến khác	10^3đ	-	-	20.000.000	-		-	99.199.881	39.550.000
21	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC HĐ #	10^3đ	331.345	42.370.646	28.000.000	42.701.991		-	31.420.000	31.420.000
22	Sản xuất công nghiệp	10^3đ	-	-		-		-		
-	Nậm Khánh	10^3đ	-	51.898.672	45.000.000	51.898.672		-	50.000.000	50.000.000
-	Pake	10^3đ	-	137.313.590	110.000.000	137.313.590		-	120.000.000	120.000.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐVT	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021				LŨY KẾ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022			
			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		
				XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9	10^3Đ	**92 328 767**	**31 963 620**	**8 030 336**	**52 334 811**	**53 764 674**	**16 321 058**	**2 357 616**	**35 086 000**	**15 000 000**			**15 000 000**
I	**Đầu tư mở rộng SXKD**	10^3đ	**92.328.767**	**31.963.620**	**8.030.336**	**52.334.811**	**53.764.674**	**16.321.058**	**2.357.616**	**35.086.000**	**15.000.000**			**15.000.000**
1	Thủy điện PaKe	"	92.328.767	31.963.620	8.030.336	52.334.811	53.764.674	16.321.058	2.357.616	35.086.000	15.000.000			15.000.000
II	**Đầu tư nâng cao năng lực T.bị**	"												
III	**Đầu tư tài chính**	"												

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ HOÀN THÀNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022
I	**GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG**	**103đ**	**780.200.000**	**499.210.786**	**64%**	**634.000.000**
II	**DOANH SỐ BÁN HÀNG**	**103đ**	**972.360.300**	**502.060.382**	**52%**	**631.300.000**
1	Doanh thu	103đ	900.000.000	458.774.787	51%	579.163.637
a	HĐ SX kinh doanh	103đ	876.438.000	432.855.954	49%	557.743.637
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	23.562.000	25.918.832	110%	21.420.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	72.360.300	43.285.595	60%	52.136.363
III	**THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN**	**103đ**	**596.217.364**	**447.663.311**	**75%**	**555.293.025**
V	**LỢI NHUẬN**					
1	**Mức lợi nhuận trước thuế**	**103đ**	**10.000.000**	**9.138.449**	**91%**	**10.000.000**
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	1.000.000	3.607.493	361%	400.000
3	Lợi nhuận sau thuế	103đ	9.000.000	5.530.956	61%	9.600.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận					
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	1,1%	2,0%	179%	1,7%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	2,6%	1,6%	61%	2,8%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	1,5%	0,9%	62%	1,6%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	0,4%	0,3%	67%	0,5%
VI	**CÁC KHOẢN NỘP NS**	**10 3 đ**	**45.000.000**	**47.460.398**	**105%**	**41.600.332**
1	Các khoản nộp nhà nước	103đ	37.424.041	41.954.198	112%	35.818.822
2	Các khoản nộp khác	103đ	7.575.959	5.506.200	73%	5.781.510
VII	**TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP**					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	500	307	61%	550
2	CBCNV bình quân	người	500	346	69%	550
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	67.807.390	44.016.731	65%	77.015.000
4	Các khoản thu nhập khác	103đ				
5	Tổng thu nhập	103đ	67.807.390	44.016.731	65%	77.015.000
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	11.301	10.601	94%	11.669
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	11.301	10.601	94%	11.669
VIII	**TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ**					
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	103đ	1.197.969.741	1.698.186.197	142%	1.698.186.197
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	66.303.189	66.303.189	100%	54.497.714
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	5,5%	3,9%	71%	3,2%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	1.698.186.197	1.698.186.197	100%	1.698.186.197
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	1.698.186.197	1.698.186.197	100%	1.698.186.197
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	875.966.812	875.966.812	100%	821.469.098
IX	**VỐN K.DOANH ĐẾN CKỲ**	**103đ**	**1.644.052.456**	**1.450.409.862**	**88%**	**1.502.134.816**
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	594.268.272	590.799.229	99%	594.541.432
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	103đ	219.965.678	219.965.678	100%	219.965.678
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	10.561.885	7.092.842	67%	10.835.045
2	Nguồn vốn vay	103đ	1.049.784.184	859.610.633	82%	907.593.384
3	Tổng tài sản	103đ	2.239.052.456	2.065.466.848	92%	1.892.970.430

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ HOÀN THÀNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022
4	Nợ phải trả	103đ	1.644.784.184	1.474.667.619	90%	1.298.428.998
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	2,77	2,50	90%	2,18
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,77	1,45	82%	1,53
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	4,80	4,31	90%	3,79
X	**CỔ TỨC**	%	**2%**	**1,5%**	**75%**	**2,5%**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thế Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4.	Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 40

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 10 là ngày 08 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Quản	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Hùng Trưởng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Gia Hản	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hải Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Nguyễn Hải Sơn
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A & C

Số: 2.0249/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI

Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.087.987.404.957**	**1.082.631.763.614**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**24.409.280.109**	**30.464.854.167**
1.	Tiền	111		24.409.280.109	30.464.854.167
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**711.517.055.174**	**705.095.565.843**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	537.940.282.930	523.125.887.586
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	135.863.923.704	147.774.926.697
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	589.141.728	2.189.141.728
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	64.706.246.064	59.308.322.149
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(27.582.539.252)	(27.302.712.317)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**332.076.963.061**	**324.809.148.232**
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	332.076.963.061	324.809.148.232
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**19.984.106.613**	**22.262.195.372**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.278.399	279.741.521
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.815.959.370	21.091.810.689
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	121.868.844	890.643.162
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**977.479.123.965**	**1.088.592.002.260**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**52.412.484.908**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	52.412.484.908
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**875.966.811.714**	**942.270.000.746**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	871.354.311.714	937.657.500.746
	Nguyên giá	*222*		*1.693.493.697.289*	*1.693.493.697.289*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(822.139.385.575)*	*(755.836.196.543)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.612.500.000	4.612.500.000
	Nguyên giá	*228*		*4.692.500.000*	*4.692.500.000*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(80.000.000)*	*(80.000.000)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**538.703.802**	**333.553.802**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	538.703.802	333.553.802
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.2**	**96.991.955.628**	**89.371.684.818**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.768.801.224)	(27.389.072.034)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**3.981.652.821**	**4.204.277.986**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		2.789.410.193	2.751.019.684
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.192.242.628	1.453.258.302
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.065.466.528.922**	**2.171.223.765.874**

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.474.667.299.406**	**1.585.888.292.395**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.044.966.722.070**	**1.141.321.359.390**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	161.323.727.441	158.395.864.011
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	173.121.883.412	254.162.372.263
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	22.030.191.004	8.323.466.153
4.	Phải trả người lao động	314		15.576.236.507	27.745.905.419
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	129.632.586.704	135.275.671.961
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		390.100.684	241.225.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	101.156.984.728	99.064.778.967
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	436.692.804.822	452.005.038.848
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.042.206.768	6.107.036.768
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**429.700.577.336**	**444.566.933.005**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	6.782.748.810	6.782.748.810
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	422.917.828.526	437.784.184.195
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**590.799.229.516**	**585.335.473.479**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.20**	**590.799.229.516**	**585.335.473.479**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*342.340.000.000*	*342.340.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.092.841.932	1.629.085.895
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*1.561.885.895*	*1.629.085.895*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*5.530.956.037*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.065.466.528.922**	**2.171.223.765.874**

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	405.940.790.847	321.714.737.780
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		405.940.790.847	321.714.737.780
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	324.864.344.960	267.076.116.289
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.076.445.887	54.638.621.491
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.731.785.749	23.167.690.478
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	69.042.833.072	48.440.670.774
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		76.620.342.271	44.889.810.779
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	26.861.113.971	26.264.421.441
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.904.284.593	3.101.219.754
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	187.046.504	2.604.900.121
12.	Chi phí khác	32	VI.7	1.952.882.268	2.551.646.152
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.765.835.764)	53.253.969
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.138.448.829	3.154.473.723
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.346.477.118	1.457.854.564
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		261.015.674	261.015.674
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.530.956.037	1.435.603.485
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***9.138.448.829***	***3.154.473.723***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	66.303.189.032	42.109.221.138
- Các khoản dự phòng	03		(7.340.443.875)	2.619.445.568
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(163.630.035)	44.964.854
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,6	(25.489.663.031)	(23.044.557.697)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	76.620.342.271	44.889.810.779
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***119.068.243.191***	***69.773.358.365***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.315.759.268	91.572.179.943
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.267.814.829)	(30.949.606.673)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(95.641.267.363)	84.154.733.289
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		195.072.613	3.400.507.544
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(71.896.549.784)	(44.291.582.287)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.523.329.927)	(1.457.854.564)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.064.830.000)	(277.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***4.185.283.169***	***171.924.635.617***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(5.059.901.098)	(232.138.122.550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.614.535.626	21.580.623.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***20.154.634.528***	***(210.557.499.053)***

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ- CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 12 /2022/BC - HĐQT	Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính thưa:
- **Quý vị đại biểu khách quý;**
- **Quý vị cổ đông**
- **Thưa toàn thể đại hội**

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2022, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT), tôi xin trân trọng báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SD9

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Trần Thế Quang	-	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hải Sơn	-	TVHĐQT, Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Quản	-	TVHĐQT
Ông Đoàn Hùng Trường	-	TVHĐQT
Ông Lê Hải Đoàn	-	TVHĐQT

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 18/06/2021.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 bao gồm"

2.1. HĐQT đã họp định kỳ hàng quý, họp bất thường và ban hành các Nghị quyết quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ : 04 phiên
- Số phiên họp bất thường: 3 phiên
- Số Văn bản, Nghị quyết, Quyết định ban hành: 102 văn bản, Nghị quyết, quyết định liên quan đến vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban TGĐ triển khai nhiệm vụ.

2.2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, bao gồm:

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2021;
- Chỉ đạo công tác triển khai công tác thi công trên các công trường;
- Giám sát chỉ đạo việc cân đối thanh khoản, việc trả nợ, cơ cấu nợ, giảm dư nợ vay ngắn hạn;
- Chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ khó đòi;
- Chỉ đạo tăng cường quản lý nội bộ và công tác khoán đối với các dự án mà công ty đang thi công;
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh giảm nhân lực, thu gọn đầu mối quản lý, nâng cao chất lượng nhân lực.
- Chỉ đạo giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của công ty, thỏa ước lao động tập thể.
- Chỉ đạo giám sát các nội dung khác liên quan tới trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty
- Thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát, đối chiếu các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của đơn vị do đó các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều có tính thống nhất cao giữa các thành viên HĐQT.

3. Đánh giá một số kết quả thực hiện SXKD năm 2021, kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021:

3.1. Kết quả SXKD, lợi nhuận năm 2021:

- Tổng giá trị SXKD : 499 tỷ/KH 780 tỷ đạt 64% KH năm
- Tổng doanh thu : 459 tỷ/KH 900 tỷ đạt 51% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 9,14 tỷ/KH 10 tỷ đạt 91,38% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 5,53 tỷ/KH 9 tỷ đạt 61,4% KH năm
- Nộp ngân sách : 47 tỷ/KH 45 tỷ đạt 105% KH năm
- Thu nhập bình quân:10,601trđ/KH11,250trđ/ng/tháng đạt 94% KH năm.
- Cổ tức dự kiến : 1,5%/KH 2 % đạt 75% KH năm.

3.2. Kết quả thực hiện các dự án trọng điểm:

- Sản xuất điện đạt 122% KH năm (189,212 tỷ đồng/155,0 tỷ đồng).
- Gói thầu F2 - Cải tạo kênh: Sản lượng thực hiện năm đạt 76 tỷ/212 tỷ đạt 36%KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Do chủ đầu tư chậm thanh toán nên nhà thầu phụ thi công cầm chừng. Công trình bị dừng thi công 2 tháng do ảnh hưởng của đại dịch covid 19.
- Hồ chứa nước Cánh Tạng: Sản lượng thực hiện năm đạt 30,3 tỷ/56 tỷ đạt 54% KH năm. Nguyên nhân không hoàn hành KH: Do ảnh hưởng của dịch covid 19 nên huy động nhân lực và vật tư không kịp thời, bên cạnh đó xuất hiện mưa sớm so với cùng kỳ các năm nên ảnh hưởng đến công tác thi công. Công tác phối hợp giữa các thành viên liên doanh trong bàn giao mặt bằng thi công kém hiệu quả.
- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3, Gói 4): Sản lượng thực hiện đạt 18 tỷ/76 tỷ đạt 24% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Do ảnh hưởng của dịch covid nên công tác huy động nhân lực và vật tư không kịp thời. Tuyến Đại Thanh thi công gặp nhiều công trình hiện trạng ngầm phát sinh hoặc sai

khác so với báo cáo khảo sát được duyệt gây rất nhiều khó khăn trong công tác thi công; .

- Công trình Hòa Liên: Sản lượng thực hiện năm đạt 87tỷ/140 tỷ đồng đạt 62% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Thiếu vật tư, vật liệu, nhân lực do chưa chủ động tài chính trong sản xuất. Do ảnh hưởng covid, công trường dừng thi công từ ngày 16/08 đến hết ngày 25/08, sau thời điểm 25/8 triển khai chậm do thực hiện 3 tại chỗ. Do ảnh hưởng của bão số 5, 6 công trường dừng thi công khắc phục sau 1 tháng.

3.3. Chỉ đạo triển khai phương án tái cấu trúc doanh nghiệp

- Tái cấu trúc lại tổ chức sản xuất tại các đơn vị trực thuộc, tinh gọn bộ máy đảm bảo hoạt động gọn nhẹ, giảm chi phí.
- Rà soát tái cấu trúc tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Công ty chưa thực hiện được do các khoản đầu tư có giá trị giao dịch trên thị trường đều dưới mệnh giá, không có giao dịch hoặc lượng giao dịch quá ít (SD1, SDH, ASD). Đối với Công ty CP đầu tư và phát triển Vân Phong Công ty chưa tìm được nhà đầu tư để chuyển nhượng.
- Tiếp tục áp dụng mô hình khoán đội và quản lý theo mô hình Ban điều hành nội bộ kiểm soát rủi ro và chi phí.

3.4. Về lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Dự toán lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021: là 1.110.000.000 đồng.
- Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020, và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông năm 2021; mức lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký được chi trả bằng 91,38% dự toán đã được duyệt, tổng mức chi trả là 970.930.776 đồng.

3.5. ***Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2021:*** 1,714,123.000 đồng.

3.6. ***Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty****(Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo)*

3.7. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị dù ảnh hưởng rất lớn của đại dịch covid 19.
- Năm 2021, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác
- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của

Ban tổng giám đốc và đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị tương đối kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Doanh nghiệp đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.
- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định theo quy định đầy đủ và kịp thời đến Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 634 tỷ đồng;
- Doanh thu : 579 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 10 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 41,6 tỷ đồng;
- Cổ tức : 2,5%

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

2.1 Chỉ đạo đẩy mạnh và hoàn thành công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, Thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy quản lý của Công ty, của đơn vị; triển khai các giải pháp xây dựng bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý điều hành của Công ty theo hướng: Chuyên nghiệp, gọn nhẹ, hiệu quả.

2.2 Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm; duy trì mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư truyền thống, có tiềm lực tài chính tốt để có thể tiếp cận được các dự án mới ngay khi triển khai. Bên cạnh đó tiếp thị đấu thầu với các chủ đầu tư mới, lĩnh vực mới nhằm mở rộng thị phần, khẳng định năng lực, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh

2.3 Quyết liệt trong công tác chỉ đạo và thực hiện thu hồi vốn, thu hồi công nợ và dở dang;

2.4 Nâng cao năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý;

2.5 Họp định kỳ hàng Quý theo quy định, họp bất thường (trong trường hợp cần thiết) và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị để triển khai các nội dung trong Nghị quyết ĐHĐCĐ ..

2.6 Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư. .

2.7 Giám sát công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty triển khai đúng quy định.

2.8 Rà soát và hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Công ty đối với người lao động nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường sự gắn kết của người lao động đối với đơn vị.

2.9 Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị và các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối

với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách về giá thành, của các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty đảm bảo tính khoa học, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty .

2.10 Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật

2.11 Chỉ đạo hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của đơn vị đảm bảo đúng quy định của Pháp luật

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH TRONG NĂM 2021

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 tôi xin được đánh giá tổng kết trong năm qua:

Do dịch bệnh covid 19 nên tiến độ thi công trên các công trường bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều công trình bị dừng thì công: F2, Hòa Liên, Yên Xá…, có công trình bị chậm tiến độ do vướng mắc từ Chủ đầu tư, vướng mắc về cơ chế, về nguồn vốn do đó mà các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2022 chưa đạt theo kế hoạch đã đặt ra; thị trường chủ yếu của Công ty bị thu hẹp, các lĩnh vực mới Công ty tham gia thi công cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm kiếm mở rộng thị trường, tiếp thị đấu thầu chưa đạt kế hoạch; công nợ tại các dự án còn khá nhiều, chưa cân đối được nguồn vốn chi trả được cổ tức cho các cổ đông

Trải qua thời gian dài dịch bệnh, hoạt động xây lắp của đơn vị bị ảnh hưởng lớn, tuy nhiên tỷ trọng sản xuất điện đạt 122% KH năm đặt ra; đơn vị đã chủ động làm việc với Chủ đầu tư để tháo gỡ các vướng mắc khó khăn, tổ chức triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; tập trung thu hồi công nợ dở dang; làm việc với các Ngân hàng để cơ cấu nguồn vốn đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; Gắn kết với các chủ đầu tư hiện tại đồng thời tiếp cận các chủ đầu tư mới có tiềm lực tài chính để mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án mới để có đủ việc làm cho các năm tiếp theo.

Tổng kết năm 2021, tập thể Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc đã cố gắng nỗ lực, tuy nhiên kết quả vẫn còn hạn chế, chưa đạt được 100% KH ĐHĐCĐ năm 2021đã thông qua.

Trên đấy là báo cáo của Hội đồng quản trị công ty; kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi*
- *Lưu HĐQT, TCNS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thế Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 **BAN KIỂM SOÁT** Số: 03/CT-BKS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính thưa: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã họp, thống nhất ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với các quy định của các văn bản pháp luật hiện hành và thống nhất phân công trách nhiệm của các thành viên Ban Kiểm soát;
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm toán đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2021:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGĐ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021 được ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành so với NQ của ĐHĐCĐ
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	780,2	499,0	64,0%
2	Doanh thu				
2.1	*Doanh thu (bao gồm doanh thu dự án thủy điện Pake)*	*Tỷ đồng*	*900,0*	*459,0*	*51,0%*
2.2	*Doanh thu (không bao gồm doanh thu dự án thủy điện Pake)*	*Tỷ đồng*	*900,0*	*431,9*	*48,0%*
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,0	9,14	91,4%
4	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	45.0	47.0	104,4%
5	Thu nhập bình quân	10^3 đồng/tháng	11,25	10,60	94,23%

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 và một số nguyên nhân khách quan, chủ quan khác, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 thấp. Đa số các chỉ tiêu kinh tế tài chính không hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Báo cáo tài chính năm 2021:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 được Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2021:

- Tổng tài sản: 2.065.466.528.922, đồng
  + *Tài sản ngắn hạn: 1.087.987.404.957, đồng*
  + *Tài sản dài hạn : 977.479.123.965, đồng*

- Nguồn vốn: 2.065.466.528.922, đồng
  + *Nợ phải trả: 1.474.667.299.406, đồng*
  + *Nguồn vốn chủ sở hữu: 590.799.229.516, đồng*
- Doanh thu: 431.859.623.100, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 9.138.448.829, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.530.956.037, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2021 và năm 2020:

TT	Nội dung	Đvt	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ (%)
1.	Doanh thu	Tỷ đồng	431,86	347,49	124,3%
2.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,14	3,15	290,2%
3.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,53	1,44	384,0%
4.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.065,47	2.171,22	95,1%
5.	Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.474,67	1.585,89	93,0%
6.	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	590,80	585,34	100,9%
7.	Hệ số nợ phải trả	Lần	2,50	2,71	92,3%
8.	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,40	1,37	102,2%
9.	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,04	0,95	109,5%
10.	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,25	0,9	250,0%
11.	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,28	0,2	640,0%
12.	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,27	0,1	270,0%

Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận tuy chưa hoàn thành kế hoạch nhưng tăng mạnh so với năm 2020.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021 giảm 112,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020. Hệ số nợ giảm so với năm 2020 và trong ngưỡng an toàn.

Vốn chủ sở hữu tăng 5,4 tỷ đồng.

Nợ phải thu ngắn hạn tăng 6,4 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020; Nợ phải thu khách hàng tăng 14,8 tỷ đồng và vẫn ở mức cao (537 tỷ đồng).

Các chỉ số thanh toán đã được cải thiện và tăng so với năm 2020.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ:

- Trong năm 2021, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông linh hoạt. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết, văn bản, chỉ thị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn và tổ chức các cuộc họp đốt xuất để chỉ đạo, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế;
- HĐQT nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và bất thường khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, HĐQT và Ban TGĐ đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch từng quý cho phù hợp với tình hình thực tế: chủ động làm việc với chủ đầu tư để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn; tổ chức thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; tập trung thu hồi công nợ, dở dang,...;
- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến các chức danh quản lý trong Công ty;
- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;
- Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho các cổ đông và còn khó khăn trong việc chi trả lương, thanh toán chế độ chế độ khác cho người lao động.

IV. Kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quản hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban TGĐ:

- Chú trọng nâng cao năng lực quản trị, năng lực tổ chức quản lý thi công. Tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán. Phân tích đánh giá đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu;
- Xây dựng kế hoạch và tăng cường thu hồi công nợ phải thu khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Phân tích các khoản công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát, đánh giá năng lực các bên liên quan của tất cả các hợp đồng thi

công các công trình, với chủ đầu tư và các nhà thầu để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng, hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công, thanh toán,...) để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Chi trả tiền lương cho người quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả.
- Xây dựng lộ trình chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho các cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty;
- Kịp thời khắc phục những vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan thanh, kiểm tra.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

1. Giám sát HĐQT, Ban TGĐ trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và năm; báo cáo tài chính bán niên và năm; báo cáo công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và các tài liệu khác; công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác (khi được mời tham dự).
8. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông.
9. Giám sát tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật của người quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- KSV;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 **BAN KIỂM SOÁT** Số: 01/2022/TTr-BKS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 (ĐHĐCĐ) lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên và kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

Căn cứ ngành nghề kinh doanh và nhu cầu kiểm toán của Công ty, BKS đề xuất ĐHĐCĐ các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực xây dựng theo các quy định của Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu;
- Đảm bảo hoàn thành và công bố BCTC đã được kiểm toán theo đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt nhất.

2. Hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện theo đúng của định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

II. Đề xuất của BKS

Từ những tiêu chí trên, BKS kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 những nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2022 của Công ty, cụ thể:

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn 01(một) trong số các Công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2022 của Công ty; và giao Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Tổ chức ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0100845515-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thu Phương

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Số 14/CT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 18/6/2021;*
- *Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;*

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

TT	Nội dung		Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	:	9,138,448,829
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	:	3,346,477,118
3	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	:	261,015,674
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	:	5,530,956,037
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	:	1,561,885,895
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối)	:	553,095,604
7	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	:	169,601,280
8	Lợi nhuận chia cổ tức 0% (0% LN phân phối)	:	5,135,100,000
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	:	1.5%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	:	1,235,045,048

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như kính gửi*
- *Lưu HĐQT, TCNS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Số 15/CT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

V/v Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Quý vị cổ đông thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2021; Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2022, như sau:

1. Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm, Thư ký công ty năm 2020:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Mức lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2021 đạt 91,38% KH, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 được hưởng 91,38 % KH	Tổng lương, thù lao năm 2021 (đồng)
I	**Lương của cán bộ chuyên trách**					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	45.000.000	41.121.000	493.452.000
2	Trưởng ban KS chuyên trách	1	< 6	23.000.000	21.017.400	118.538.136
II	**Thù lao**				-	
1	TB Kiểm soát không chuyên trách	1	< 7	7.000.000	6.396.600	40.938.240
2	Thành viên HĐQT	4	12	5.000.000	4.569.000	219.312.000
3	Thành viên BKS	2	12	3.000.000	2.741.400	65.793.600
4	Thư ký	1	12	3.000.000	2.741.400	32.896.800
	Tổng cộng					**970.930.776**

2. Phương án chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thư ký năm 2022:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1		45.000.000
2	TB Kiểm soát không chuyên trách	1	7.000.000	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000	
5	Thư ký	1	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như kính gửi*
- *Lưu HĐQT, TCNS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Thế Quang

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022*

(DỰ THẢO) NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/BB/ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2022 ngày 26/04/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2022 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty kiểm toán độc lập; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Tổng giá trị SXKD : 499/KH 780 tỷ đồng đạt 64% KH năm
- Tổng doanh thu : 459/KH 900 tỷ đồng đạt 51% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 9,14 /KH 10 tỷ đồng đạt 91,38% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 5,53/ KH 9 tỷ đồng đạt 61,4% KH năm
- Nộp ngân sách : 47/KH 45 tỷ đồng đạt 107% KH năm
- Thu nhập bình quân : 10,601trđ/KH 11,250 trđ/ng/tháng đạt 94% KH.
- Chi trả cổ tức : 1,5%/KH 2% đạt 75% KH năm.

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 634 tỷ đồng;
- Doanh thu : 579 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 10 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 41,6 tỷ đồng;

- Tỷ lệ cổ tức : 2,5%

1.3 Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty kiểm toán độc lập. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022: Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022: Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022

4. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 5 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 bao gồm: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN); Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY); Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C); Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA); Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	9,138,448,829
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3,346,477,118
3	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	261,015,674
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	5,530,956,037
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1,561,885,895
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối)	553,095,604
7	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	169,601,280
8	Lợi nhuận chia cổ tức 0% (0% LN phân phối)	5,135,100,000
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	1.5%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1,235,045,048

6. Thông qua báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thư ký năm 2021; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký năm 2022.

6.1. Tổng mức chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2020: 970.930.776 đồng tương đương 91,38% KH , mức chi trả thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua.

6.2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	TB Kiểm soát không chuyên trách	7.000.000	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	
5	Thư ký công ty	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ quyết nghị thực hiện./

Nơi nhận:
- *UBCK NN, SGDCKHN;*
- *Cổ đông công ty;*
- *Như điều 3;*
- *Lưu HĐQT, TCNS.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Trần Thế Quang